



Số: 0295.NT(1)-2026/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 09 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THÁP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**
Địa chỉ : **Lầu 7, Tòa nhà PV Gas Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**
Địa chỉ lấy mẫu : **HỆ THỐNG PHÂN PHỐI KHÍ THÁP ÁP CHO 8 KHU CÔNG NGHIỆP VỚI CÔNG SUẤT 02 TRIỆU M3 KHÍ CHUẨN/NGÀY THUỘC ĐỊA PHẬN PHƯỜNG NHƠN TRẠCH, TP. ĐỒNG NAI**
KCN Nhơn Trạch, P. Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai
Loại mẫu : **Nước thải**
Mô tả mẫu : **Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh**
Ngày lấy mẫu : **10/09/2026**
Mã số mẫu : **26.0295.NT1**
Thông tin lấy mẫu : **Tại hố gas cuối cùng trước khi vào hệ thống cống của KCN (Tọa độ: 629405 – 1183578)**
Ngày phân tích mẫu : **11/09/2026** Lần ban hành : **01**

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Loại mẫu	Phương pháp quan trắc
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

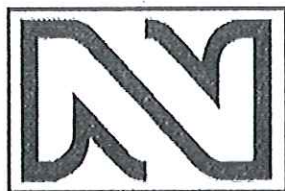
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Vinatex Tân Tạo	Phương pháp phân tích
1.	pH ^(a) (29,4°C)	-	7,62	5 ÷ 9	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023(*)
2.	TDS ^(a)	mg/L	63,6	-	HD-ĐN-N03(*)
3.	TSS ^{(a)(b)}	mg/L	42,5	≤ 200	TCVN 6625:2000
4.	BOD ₅ ^{(a)(b)}	mg/L	7,62	≤ 100	TCVN 6001-1:2021

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0295.NT(1)-2026/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 09 năm 2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Vinatex Tân Tạo	Phương pháp phân tích
5.	Nitrat (tính theo N) ^{(a)(b)}	mg/L	1,61	-	SMEWW 4500-NO ₃ .E: 2023
6.	Amoni (tính theo N) ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=0,04)	≤ 15	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
7.	Sulfua ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=0,04)	≤ 0,5	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
8.	Phosphat (tính theo P) ^{(a)(b)}	mg/L	0,055	-	SMEWW 4500-P.E:2023
9.	Dầu mỡ động thực vật ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=1,44)	≤ 20	SMEWW 5520B&F:2023
10.	CHĐBM anion ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=0,0136)	-	SMEWW 5540B&C:2023
11.	Coliform ^{(a)(b)}	MPN/100mL	240	≤ 8.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Nông Nghiệp và Môi Trường chứng nhận (VIMCERTS 314)

^(b): Các chỉ tiêu đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

^(c): Các chỉ tiêu đo hiện trường

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thanh Hùng

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



Số: 0295.KT(1)-2026/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 09 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THÁP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**
Địa chỉ : **Lầu 7, Tòa nhà PV Gas Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam**
Địa điểm lấy mẫu : **HỆ THỐNG PHÂN PHỐI KHÍ THÁP ÁP CHO 8 KHU CÔNG NGHIỆP VỚI CÔNG SUẤT 02 TRIỆU M3 KHÍ CHUẨN/NGÀY THUỘC ĐỊA PHẬN PHƯỜNG NHƠN TRẠCH, TP. ĐỒNG NAI**
KCN Nhơn Trạch, P. Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai
Loại mẫu : **Khí thải**
Mô tả mẫu : **Mẫu đo trực tiếp tại hiện trường**
Ngày lấy mẫu : **10/09/2026**
Mã số mẫu : **26.0295.KT1**
Thông tin lấy mẫu : **Ống khói thải của máy phát điện (Tọa độ: 410630 – 1183404)**
Ngày phân tích mẫu : **11/09/2026** Lần ban hành : **01**

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp quan trắc	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi tổng (PM) ^(a)	US EPA 05	2,97 mg/Nm ³
2	CO ^(a)	HD-ĐN-KT05 ^(*)	0 ÷ 11.400 mg/Nm ³
3	SO ₂ ^(a)	HD-ĐN-KT05 ^(*)	0 ÷ 13.100 mg/Nm ³
4	NO _x ^(a)	HD-ĐN-KT05 ^(*)	
	- NO		0 ÷ 4.920 mg/Nm ³
	- NO ₂		0 ÷ 940 mg/Nm ³

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Vị trí quan trắc	Bụi	CO	SO ₂	NO ₂
Đơn vị	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)
Khu vực máy phát điện (Ống khói thải của máy phát điện)	41,7	162	21,5	63,2
QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) (Kp =1; Kv = 1)	200	1.000	500	850

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0295.KT(1)-2026/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 09 năm 2026

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Nông Nghiệp và Môi Trường chứng nhận (VIMCERTS 314)

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



KT. GIÁM ĐỐC
P. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Hùng

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017